

Số: 06/2024/TB-VTA.HN

TP. Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/HĐDG-VTA.HN-ĐLMB ngày 13/12/2023 và Phụ lục Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 01/HĐDG-VTA.HN-ĐLMB/SĐBS-1 ngày 03/01/2024 giữa Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Căn cứ Quy chế cuộc đấu giá số 05/2024/QC-VTA.HN ngày 03/01/2024 của Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An - Chi nhánh Hà Nội.

Công ty Vạn Thành An - Chi nhánh Hà Nội thông báo kế hoạch đấu giá tài sản như sau:

1. Đơn vị tổ chức bán đấu giá: Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An - Chi nhánh Hà Nội.

Địa chỉ: B17 Lô 6 KĐT Định Công, P.Định Công, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

2. Người có tài sản bán đấu giá:

Đơn vị: Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

Địa chỉ: Số 2, khu VP1, BĐ Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

3. Tài sản bán đấu giá: Lô tài sản, vật tư, công cụ dụng cụ đợt 1 năm 2023 của Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc (Theo danh mục tài sản đính kèm).

Lưu ý:

- Tình trạng của tài sản đã cũ, để lâu không sử dụng, đã gãy hỏng, biến dạng và được bán, bàn giao cho khách hàng theo hiện trạng thực tế và theo phương thức “có sao bán vậy”. Khách hàng trước khi đăng ký tham gia đấu giá phải tự tìm hiểu về hiện trạng, tình trạng, chất lượng của tài sản.

- Khách hàng trúng đấu giá chịu mọi chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản đấu giá khỏi nơi lưu giữ (nếu có), tự đảm bảo an toàn trong quá trình di dời tài sản và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trách nhiệm bồi thường nếu làm phát sinh thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe của người khác, bên thứ ba và/hoặc bên có tài sản đấu giá;

- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức/cá nhân không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và có đăng ký kinh doanh (đang hoạt động) ngành nghề phế liệu, Giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực hoặc liên danh với 1 tổ chức/cá nhân có giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực theo quy định hiện hành. Có mã CTNH: 07 03 11, 11 01 01, 11 04 01, 11 04 02, 15 01 01, 15 01 02, 15



01 06, 16 01 06, 16 01 12, 16 01 13. Có Phương án xử lý chất thải nguy hại phù hợp với tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

4. Nguồn gốc, hồ sơ pháp lý tài sản: Tài sản thuộc sở hữu của Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc thanh lý, bao gồm các hồ sơ sau:

- Bảng chi tiết VTTB thu hồi VTTB thanh lý đợt 1 năm 2023 (VTTB thu hồi có chứa chất thải nguy hại) của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Bảng chi tiết VTTB thu hồi thanh lý đợt 1 năm 2023 (VTTB thu hồi không chứa chất thải nguy hại) của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Danh mục TSCĐ đề nghị thanh xử lý năm 2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Phụ lục chi tiết VTTB thu hồi từ tài sản thanh lý đợt 1 năm 2023 (VTTB thu hồi không chứa chất thải nguy hại) của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Bảng chi tiết vật tư thiết bị thu hồi từ tài sản thanh lý của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản đánh giá chất lượng VTTB đề nghị thanh lý đợt 1/2023 (VTTB không chứa CTNH) ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản đánh giá chất lượng VTTB đề nghị thanh lý đợt 1/2023 (VTTB chứa CTNH) ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản đánh giá chất lượng tài sản cố định đề nghị thanh xử lý năm 2023 ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc – Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản họp Hội đồng thanh xử lý VTTB, TSCĐ ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản rà soát vật tư thừa từ SCTX, SCL, ĐTXD ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc;

- Biên bản xác nhận hiện trạng tài sản cố định ngày 25/08/2023 của Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc – Công Ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc.

- Căn cứ Công văn số 2442/NPSC-TCKT ngày 31/10/2023 của Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc gửi Tổng công ty Điện Lực Miền Bắc về việc xin thanh lý tài sản;

- Căn cứ Công văn số 5755/EVNNPC-TCKT ngày 07/12/2023 của Tổng công ty Điện Lực Miền Bắc gửi công ty dịch vụ Điện Lực Miền Bắc về việc phê duyệt công văn xin thanh lý tài sản;

5. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Từ ngày **17/01/2024** đến ngày **19/01/2024** (trong giờ hành chính). Địa điểm: Tài sản nằm rải rác tại các kho bãi của Công ty dịch vụ Điện lực Miền Bắc. Tài sản ở kho nào xem tại kho đó. (Chi tiết kho bãi theo file đính kèm trong hồ sơ đấu giá).

6. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày **04/01/2024** đến 17 giờ 00 phút ngày **19/01/2024** (trong giờ hành chính) tại Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An – Chi nhánh Hà Nội, địa chỉ: B17 Lô 6 Khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

7. Giá khởi điểm: 488.098.188 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tám triệu không trăm chín mươi tám nghìn một trăm tám mươi tám đồng). Giá đã bao gồm Thuế GTGT.

Thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính liên quan:

- Khách hàng trúng đấu giá có trách nhiệm chịu mọi chi phí, thuế, lệ phí theo quy định trong quá trình chuyển nhượng;

- Khách hàng trúng đấu giá chịu mọi chi phí vận chuyển, bốc dỡ tài sản đấu giá khỏi nơi lưu giữ (nếu có), tự đảm bảo an toàn trong quá trình di dời tài sản và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trách nhiệm bồi thường nếu làm phát sinh thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe của người khác, bên thứ ba và/hoặc bên có tài sản đấu giá;

- Thuế thu nhập từ việc chuyển nhượng tài sản, chi phí kho bãi và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh trước thời điểm bàn giao tài sản cho người mua trúng đấu giá (nếu có): Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc nộp.

8. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 200.000 đồng/01 hồ sơ.

9. Khoản tiền đặt trước tham dự đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp khoản tiền đặt trước là **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng) theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An – chi nhánh Hà Nội.

+ Số tài khoản: 3168.3838.3838

+ Mở tại: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

- Thời gian nộp tiền đặt trước: Trong thời hạn 03 ngày làm việc từ ngày **17/01/2024** đến 17 giờ 00 phút ngày **19/01/2024**.

(Mọi trường hợp tiền đặt trước báo có tài khoản của tổ chức đấu giá sau 17 giờ 00 phút ngày **19/01/2024** đều không đủ điều kiện tham gia đấu giá).

10. Bước giá: Tối thiểu 2.000.000 đồng/bước giá

11. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a. Thời gian đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày **04/01/2024** đến 17 giờ 00 phút ngày **19/01/2024** (trong giờ hành chính);

b. Địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Vạn Thành An – chi nhánh Hà Nội, địa chỉ: B17 Lô 6 Khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội;

c. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức/cá nhân không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Đấu giá tài sản và có đăng ký kinh doanh (đang hoạt động) ngành nghề phế liệu, Giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại còn hiệu lực hoặc liên danh với 1 tổ chức/cá nhân có giấy phép hành nghề vận chuyển và xử lý chất thải

nguy hại còn hiệu lực theo quy định hiện hành. Có mã CTNH: 07 03 11, 11 01 01, 11 04 01, 11 04 02, 15 01 01, 15 01 02, 15 01 06, 16 01 06, 16 01 12, 16 01 13. Có Phương án xử lý chất thải nguy hại phù hợp với tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

d. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Tổ chức/cá nhân có nhu cầu mua hồ sơ, nộp hồ sơ trực tiếp tại Cty ĐGHD Vạn Thành An - chi nhánh Hà Nội. Trường hợp không tự mình mua/nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền cho người khác đến mua/nộp hồ sơ và/hoặc tham gia đấu giá theo đúng thời hạn quy định đã thông báo. Đồng thời truy cập vào trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến (*địa chỉ miễn:* <http://daugiaviet.vn> (<http://daugiaso5.vn>) và làm theo hướng dẫn để đăng ký tham gia đấu giá.

12. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian tổ chức đấu giá: Lúc **09 giờ 00 phút** ngày **22/01/2024**.
- Thời gian điểm danh người tham gia đấu giá từ **09 giờ 00 phút** đến **09 giờ 30 phút** ngày **22/01/2024**.
- Địa điểm: trên trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến (<http://daugiaviet.vn> (<http://daugiaso5.vn>))

13. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến.

14. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

15. Thời hạn và phương thức thanh toán tiền mua tài sản; thời hạn, địa điểm giao kết hợp đồng mua bán:

Thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Ngay khi tổ chức đấu giá thành, khoản tiền đặt trước của tổ chức/đơn vị trúng đấu giá sẽ được chuyển thành tiền đặt cọc để đảm bảo giao kết, thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản;

Đợt 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày đấu giá thành, người mua trúng đấu giá phải nộp đủ 100% tiền mua tài sản sau khi đã trừ đi khoản tiền Đợt 1.

- Trường hợp người trúng đấu giá vi phạm một trong số các đợt thanh toán trên thì xem như vi phạm nghĩa vụ thanh toán và từ chối mua tài sản, khoản tiền của người mua tài sản đã nộp thuộc về Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc và được xử lý theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản theo thông tin sau:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty Dịch vụ Điện Lực Miền Bắc

Tài khoản số: **0021126666688**.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sở giao dịch 1

Thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng mua bán:

- Thời gian giao kết hợp đồng mua bán: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đấu giá thành, người trúng đấu giá phải liên hệ với Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc để ký hợp đồng mua bán. Quá thời hạn này, người trúng đấu giá không thực hiện việc giao kết thì được xem như từ chối giao kết hợp đồng, kết quả bán đấu

giá sẽ bị huỷ và chấp nhận mất khoản tiền đặt trước đã nộp (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc các bên có thoả thuận khác);

- Địa điểm giao kết hợp đồng mua bán: Tại Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc, địa chỉ: Số 2, khu VP1, BD Linh Đàm, P.Hoàng Liệt, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

16. Thời hạn, địa điểm và phương thức giao tài sản

- Thời hạn giao tài sản: Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc có nghĩa vụ giao tài sản cho người mua trúng đấu giá trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày người trúng đấu giá đã nộp đủ 100% tiền mua tài sản trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

- Địa điểm giao tài sản: Tài sản nằm rải rác tại các kho bãi của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc. Tài sản ở kho nào bàn giao tại kho đó. (Chi tiết kho bãi theo file đính kèm trong hồ sơ đấu giá).

- Phương thức giao tài sản: Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc trực tiếp bàn giao tài sản cho người mua trúng đấu giá. Tài sản ở kho nào sẽ bàn giao tại kho đó và bên mua phải tự vận chuyển và bốc xếp, di dời hàng hoá trên cơ sở tuân thủ đúng nội quy, thời gian, quy định của Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Bắc.

(Lưu ý: Thông báo này thay thư mời tham gia đấu giá).

Nơi nhận:

- Cty DV Điện Lực Miền Bắc
- Niêm yết tại Cty DV Điện Lực Miền Bắc;
- Niêm yết tại Cty Vạn Thành An;
- Khách hàng đăng ký mua đấu giá;
- Lưu VT, HS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Ngọc



PHỤ LỤC: TỔNG HỢP DANH MỤC VTTB, TSCĐ KHÔNG CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG

STT	Danh mục vật tư	ĐVT	Số lượng
A	VẬT TƯ THIẾT BỊ		
I	DANH MỤC VẬT TƯ CHỨ CHẤT THẢI NGUY HẠI		
1	Máy vi tính	Bộ	8,00
2	Ti vi SAMSUNG 49 inch	Cái	1,00
3	Máy in	cái	3,00
4	Súng bắn vít	cái	1,00
5	Máy fax + thoại panasonic	Cái	1,00
6	Máy ảnh	Cái	2,00
7	Máy chụp ảnh sony	Cái	1,00
8	Máy chụp ảnh canon	Cái	1,00
9	Máy vặn ốc chạy pin	Cái	2,00
10	Khởi động từ 1 pha 40V 0.1kg/1 cái)	Cái	1,00
11	Máy tính kỹ thuật casio (Chứa linh kiện điện tử) (3kg/10 cái)	Cái	10,00
12	Bàn phím máy tính (7,2 kg/12 cái)	Cái	12,00
13	Màn hình vi tính (Chứa linh kiện điện tử) (21,6kg/12 cái)	Cái	12,00
14	Chuột máy tính (3,6kg/12 cái)	Cái	12,00
15	Quạt hơi nước (10kg/ cái)	Cái	1,00
16	Ampe Kim K2007A-600A (Chứa linh kiện điện tử) (0,5kg/ cái)	Cái	1,00
17	Điều hòa Skyworth 9000BTU (35kg/ cái)	Cái	1,00
18	Bộ đàm Kenvwood MK359 (Chứa linh kiện điện tử) (0,6kg/2 cái)	Cái	2,00
19	CPU Máy tính (Chứa linh kiện điện tử) (98,8kg/13 cái)	Cái	13,00
20	Máy in HP (chứa linh kiện điện tử) (10kg/2 cái)	Cái	2,00
21	Máy in canon (chứa linh kiện điện tử) (11kg/1 cái)	Cái	1,00
22	Lưu điện Satak (chứa linh kiện điện tử) (10,8kg/2 cái)	Cái	2,00
23	Máy tính xách tay (Chứa linh kiện điện tử)(3,6kg/2 cái)	Cái	2,00
24	Máy fax HP (chứa linh kiện điện tử) (6kg/cái)	Cái	1,00
25	Cốc lọc dầu	cái	9,00
26	Súng bắn ốc (5kg/2 cái)	Cái	2,00
27	Máy nén khí (20kg/ cái)	Cái	1,00
28	Guốc phanh sau 1 bộ gồm 4 chiếc	bộ	1,00
29	Má phanh trước (2,1kg/2 cái/bộ)	Bộ	1,00

30	Má phanh sau (2,1kg/2 cái/bộ)	Cái	1,00
31	Van điện từ 24V (0.4kg/1 cái)	Cái	1,00
32	Hộp điều khiển động cơ xe ô tô BKS: 29A-661.87	cái	1,00
33	Ty chống ca xô xe ô tô BKS: 29A-661.87	cái	1,00
34	Cảm biến báo nhiệt độ xe ô tô BKS: 29A-661.87	cái	1,00
35	Hộp số	cái	1,00
36	Lá côn	cái	1,00
37	Cáp cầu ĐK 8	m	60,00
38	Màn hình máy tính	cái	1,00
39	Bình nóng lạnh 30l (14,4kg/2 bình)	cái	2,00
40	Bình ắc qui 12V-7,5A	cái	10,00
41	Lọc dầu máy (0,1kg/1 cái)	cái	1,00
42	Ắc quy 60Ah	bình	1,00
43	Lọc dầu (0,2kg sắt)	Cái	1,00
44	Xương phanh (sắt 0,1kg/cái)	cái	4,00
45	Bỉ cát đăng trước (sắt 0,1kg/vòng)	vòng	1,00
46	Bỉ tê (0,5 kg sắt)	vòng	1,00
47	Kim phun (sắt 0,03kg)	cái	1,00
48	Bỉ tê V43 - 4G72 (sắt 0,5kg/ vòng)	Cái	1,00
49	Bỉ tăng cam (sắt 0,2kg/ vòng)	Cái	1,00
50	Bugì (sắt 0,1kg/1 cái)	Cái	6,00
51	Má phanh V43 - 4G72	Cái	1,00
52	Lọc dầu máy	bộ	1,00
53	Dây tuyo phanh	cái	2,00
54	Trục bánh răng quay toa	cái	1,00
55	Bỉ đầu trục quay toa	vòng	2,00
56	Bỉ ổ đỡ dẫn hướng quay toa	vòng	2,00
57	Phốt trục quay toa	cái	1,00
58	Lọc dầu máy	cái	1,00
59	Lọc dầu máy	cái	1,00
60	Roto straro	cái	1,00
61	Dây cáp F10	dây	1,00
62	Cáp cương trong	dây	1,00
63	Cảm biến ngắt lạnh	cái	1,00
64	Dây tuyo phanh	cái	2,00
65	Mặt máy	cái	1,00
66	Cầu đo điện trở tiếp địa 4102- Kyo	Cái	2,00

67	Cầu đo điện trở P333 ; No : 00247, 02975, 0075A,06408	Cái	4,00
68	Cầu đo điện trở P333	Cái	2,00
69	Mili Am pe mét C32-mA-T, Số :709.8	Cái	1,00
70	Mili Vôn mét C 32-mV-T, Số :9063.3	Cái	1,00
71	Vôn mét D 26-V, Số :68.09	Cái	1,00
72	Vôn mét C 32-V-T, Số :516.5	Cái	1,00
73	Vôn mét C 32-V-T, Số :610.2	Cái	1,00
74	Vôn mét D 26-V, Số :68.3	Cái	1,00
75	Oát mét D 26-W-T ; Số :472.7	Cái	1,00
76	Oát mét D 26-W-T ; Số :144.2	Cái	1,00
77	Oát mét D 31-W-T ; Số :2574	Cái	1,00
78	Oát mét D 27-W-T ; Số :4276	Cái	1,00
79	Cầu đo điện trở một chiều QJ84A	Cái	1,00
80	Đo điện trở đất (Teromet)	cái	2,00
81	Máy đo điện trở cách điện 5000v	Bộ	1,00
82	Lọc dầu máy	cái	1,00
83	Lọc nhiên liệu	cái	1,00
84	Xilanh phanh trước lái	cái	1,00
85	Giảm sóc trước	cái	2,00
86	Vòng bi trục quay toa	vòng	2,00
87	Phốt trục quay toa	cái	1,00
88	Phốt chặn dầu trục quay toa dọc	cái	1,00
89	Lọc dầu	cái	1,00
90	Bóng đèn pha	cái	1,00
91	Phích nước (chứa linh kiện điện tử)	Cái	1,00
92	Má phanh trước	bộ	1,00
93	Má phanh sau	bộ	1,00
94	Lọc dầu máy	cái	1,00
95	Cảm biến động cơ (0,3kg/cái)	cái	1,00
96	Lọc dầu máy (0,2kg sắt)	cái	1,00
97	Lọc dầu máy (0,2kg sắt)	cái	1,00
98	Bi chữ thập các cầu sau	vòng	2,00
99	Bi trung gian dây bơm lái	vòng	1,00
100	Bi trung gian dây máy phát	vòng	1,00
101	Lá côn	Cái	1,00
102	Bi tê	Vòng	1,00
103	Lọc dầu máy (0,1kg/1 cái)	Cái	1,00
104	Lọc dầu máy (0,2kg/1 cái)	Cái	1,00
105	Lọc dầu máy (0,2kg/1 cái)	Cái	1,00
106	Bốt lái chính (1kg/cái)	Cái	1,00

107	Bót lái phụ (1,5 kg/cái)	Cái	1,00
108	Bình Ắc quy 12V-100Ah	cái	1,00
109	Lọc dầu máy	Cái	1,00
110	Má phanh trước	Bộ	1,00
111	Má phanh sau	Bộ	1,00
112	Lọc dầu máy	cái	1,00
113	Phốt trục cam	cái	1,00
114	Gioăng mặt máy	cái	1,00
115	Lọc dầu máy	Cái	1,00
116	Lọc dầu máy	Cái	1,00
117	Terromet 4105 A (0,5kg/1 cái)	Cái	1,00
118	Súng bắn vít	Cái	1,00
119	Màn hình vi tính	Cái	1,00
120	Máy in Epson DFX 9000	Cái	1,00
121	Máy in các loại thu hồi	Máy	1,00
122	Mê gôm 2500V	Cái	1,00
123	Ampe kìm hạ thế	Cái	1,00
124	Cầu đo điện trở 1 chiều	Cái	1,00
125	Đồng hồ vạn năng	Mét	1,00
126	Bơm dầu	Cái	6,00
127	Khoan bê tông (2 Kg/ 1 cái)	Cái	1,00
128	Quạt công nghiệp	Cái	1,00
129	Máy phát điện 1 pha	Cái	1,00
130	Bánh xe cầu F400x140 (4c=60kg)	cái	4,00
131	Vòng bi 6314 (8c = 8kg)	cái	8,00
132	Trục bánh xe F330x80 (5kg)	cái	1,00
133	Bạc bạc đỡ đầu trục và bạc cánh 2 bên bánh xe (16c = 1,6kg)	cái	16,00
134	Puly trung gian F400 hông thu hồi (2c = 15kg)	cái	2,00
135	Trục đỡ gối puly hông (2kg)	cái	1,00
136	Bích liên động cơ nâng hạ F550x20 hông (4kg)	cái	1,00
137	Má phanh động cơ nâng hạ (2kg)	bộ	1,00
138	Cáp F14 thu hồi (90m - 72kg cáp thép lựa)	m	90,00
139	Lõi lọc dầu = 0,4kg	cái	4,00
140	Bạc đồng gối trục (6c= 0,2kg)	cái	6,00
141	Vòng bi đuôi động cơ 623 (2c = 0,2kg)	cái	2,00
142	Vòng bi trục ty trung gian (2c = 0,2kg)	cái	2,00
143	Máy vi tính để bàn (8,4kg/1 cái)	Bộ	1,00
144	Máy tính bảng IPAD (0,63 kg/1 cái)	Cái	1,00
145	Máy tính xách tay Toshiba (2,05kg/1 cái)	Cái	1,00

146	Thiết bị chuyển mạch 24 cổng (0,26kg/1 cái)	Cái	1,00
147	Máy tính xách tay (2,05kg/1 cái)	Cái	1,00
148	Đèn ắc quy sự cố dùng cho TBA (1,1kg/ 1 cái)	Cái	1,00
149	Máy đầm dùi (10,9kg/1 cái)	Cái	1,00
150	Máy cắt bê tông DAD1235 (2,9kg/1 cái)	Cái	1,00
151	Máy bơm nước (7,4kg/ 1 cái)	Cái	1,00
152	Bảng đèn led (4,16kg/4,79m) (4,16kg/1 cái)	M2	4,79
153	Máy mài cầm tay Makita GA4032 (2kg/1 cái)	Cái	1,00
154	Máy tính xách tay Dell (1,45kg/1 cái)	Cái	1,00
155	Máy in (3370) (10,15kg/1 cái)		1,00
156	Máy tính để bàn (8,4kg/1 cái)	Cái	2,00
157	Máy vi tính để bàn (8,4kg/1 cái)	Bộ	1,00
158	Máy tính xách tay (3,7kg/2 cái)	Cái	2,00
159	Máy tính xách tay Lenovo (1,85kg/1 cái)	kg	1,00
160	Quạt điện (3,8kg/1 cái)	Cái	1,00
161	Lọc dầu (0.2kg sắt)	Cái	1,00
162	Lọc dầu (0.2kg sắt)	Cái	1,00
163	Bình ắc quy (20kg/2 bình)	Cái	2,00
164	Lọc dầu (0,2kg sắt)	cái	1,00
165	Ắc quy khô 60Ah	bình	1,00
166	Lọc dầu (0,2kg sắt)	cái	1,00
167	Lọc dầu (0,2kg sắt)	cái	1,00
168	Ắc quy khô 70Ah	cái	1,00
169	Thay cụm bi moay ơ trước (0,2kg sắt)	cái	1,00
170	Lọc dầu (0,2kg sắt)	cái	1,00
171	Lọc dầu (0,2kg sắt)	cái	1,00
172	Má phanh trước (0,3kg sắt)	cái	1,00
173	Lọc dầu (0,2kg sắt)	Cái	1,00
174	Má phanh trước(0.5kg)	Cái	1,00
175	Đế giữ chổi than khởi động(0.1kg)	Cái	1,00
176	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU - TNTĐH	Bộ	1,00
177	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU P TCHC	Bộ	1,00
178	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU P.KTAT	Bộ	1,00
179	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU P.KD	Bộ	1,00

180	Điều hòa nhiệt độ 18000 BTU P TCKT	Bộ	1,00
181	Quạt treo tường (không có cánh, lồng cánh quạt, vỏ bầu quạt)	cái	6,00
182	Quạt treo tường	cái	7,00
183	Âm ly	chiếc	1,00
184	Bàn phím	Chiếc	16,00
185	Bộ loa	Chiếc	2,00
186	Case máy tính (không kèm màn hình)	Chiếc	1,00
187	Case máy tính các loại	Chiếc	15,00
188	Chuột máy tính	Chiếc	16,00
189	Điều hòa	chiếc	2,00
190	Tivi LCD LG 42" 42CS460	Chiếc	1,00
191	Màn hình máy tính các loại	Chiếc	16,00
192	Máy cắt dầu 35kV	Chiếc	1,00
193	Máy cắt SF6	Chiếc	1,00
194	Máy chiếu Panasonic PT-LB2EA	Bộ	1,00
195	Máy mài 2 đá	cái	1,00
196	Quạt đứng công nghiệp	cái	5,00
197	Quạt thông gió	cái	2,00
198	Quạt thông gió	Chiếc	1,00
199	Bảng sơ đồ nối điện chính TBA 110/35/22kV	Bộ	1,00
200	Đèn huỳnh quang máng đơn	cái	67,00
201	Quạt treo tường	Chiếc	19,00
202	Quạt trần	Chiếc	12,00
203	BU 3 pha 6000/100 V (TQ)	Chiếc	1,00
204	Bộ thí nghiệm	Bộ	5,00
205	Đèn compact (0,1kg/1 cái)	cái	11,00
206	Đèn huỳnh quang máng đôi	bộ	25,00
207	Bóng tuýp đơn	cái	27,00
208	Đèn led máng đôi	Bộ	13,00
209	Đèn sợi đốt	Chiếc	15,00
210	Màn hình LCD HP-W17e	Chiếc	1,00

211	Tivi Sony 21" KV - G21KD7	Chiếc	1,00
212	Máy bơm nước Luckypro IF 1,5kW	Chiếc	1,00
213	Máy bơm Centrifugalpump 1 pha	Chiếc	1,00
214	Máy bơm Pentac 3F 1,5kW	Chiếc	1,00
215	Máy cắt 6kV	Chiếc	1,00
216	Máy in Canon 2900B	Chiếc	1,00
217	Model Internet VNPT-GPON-Igate	Chiếc	1,00
218	Quạt treo trần	chiếc	64,00
219	Swich 24 cổng nối mạng	Chiếc	1,00
220	Máy biến áp 10/0,4kV	cái	1,00
221	Máy biến áp	Máy	1,00
222	Màn hình vi tính	Cái	6,00
223	Máy in laser	Bộ	5,00
224	Case (Vỏ máy tính)	Cái	7,00
225	Bàn phím máy tính (1,8 kg/3 cái)	Cái	3,00
226	Màn hình vi tính (Chứa linh kiện điện tử) (9kg/3 cái)	Cái	3,00
227	Chuột máy tính (0,9kg/3 cái)	Cái	3,00
228	Khoan điện (3,8kg/2 cái)	Cái	2,00
229	Ampe Kìm (Chứa linh kiện điện tử) (1kg/2 cái)	Cái	2,00
230	Cầu đo điện trở 1 chiều (Chứa linh kiện điện tử) (9kg/1 cái)	Cái	1,00
231	Máy mài cầm tay (2kg/1 cái)	Cái	1,00
232	CPU Máy tính (Chứa linh kiện điện tử) (18kg/3 cái) ok	Cái	3,00
233	Máy in HP (chứa linh kiện điện tử) (11kg/1 cái)ok	Cái	1,00
234	Bơm xăng xe ô tô	Cái	1,00
235	Cupben phanh trước xe ô tô	Cái	2,00
236	Cụm phanh sau	Cụm	1,00
237	Má phanh trước xe ô tô	Cái	2,00
238	Pít tong phanh trước xe ô tô	Cái	2,00
239	Quang nhíp	Cái	2,00
240	Lốc điều hòa xe ô tô	Cái	1,00
241	Giàn nóng điều hòa xe ô tô	Cái	1,00
242	Ống dẫn nhiên liệu	Cái	1,00

243	Bình nóng lạnh	bộ	2,00
244	Điều hòa	Bộ	8,00
245	Bóng đèn trần	Bóng	3,00
246	Bi moay ơ trước	Vòng	2,00
247	Bi các đăng	Vòng	2,00
248	Buzi sấy	Cái	4,00
249	Bi moay ơ sau	Vòng	2,00
250	Phốt moay ơ	Cái	1,00
251	Bóng đèn pha	Cái	2,00
252	Bình ắc quy	Cái	2,00
253	Bi chữ thập	Bộ	2,00
254	Bi chữ thập cát đăng cầu trước	Bộ	2,00
255	Lọc dầu	Cái	1,00
256	Lọc Diezen	Cái	1,00
257	Bi chữ thập cát đăng	Vòng	1,00
258	Bình ắc quy	Cái	1,00
259	Lọc dầu	Ống	2,00
260	Lọc Diezen	Cái	1,00
261	Bình ắc quy	Cái	1,00
262	Mã phanh trước	Bộ	2,00
263	Mã phanh sau	Cái	2,00
264	Giảm sóc trước	Cái	2,00
265	Mô tơ kính lên xuống	Cái	1,00
266	Giảm sóc	Ống	2,00
267	Bộ điều khiển mở cửa	Bộ	1,00
268	Bộ điều khiển mở cửa	Bộ	1,00
269	Giảm giạt cát đăng	Cái	1,00
270	Ty van	cái	1,00
271	Trục lái trước bánh phụ	Cái	1,00
272	Nến sấy	Cái	1,00
273	Loa đài xe Ô tô	Cái	3,00
274	Bơm trợ lực tay lái	Cái	1,00
275	Cáp thép tròn phi 8	Kg	8,00
276	Bộ máy tính để bàn (18kg/ 2 bộ)	Bộ	2,00
277	Quạt trần điện cơ (16kg/ 2 cái)	Cái	2,00
278	Teoromets (0,5kg / 2 cái)	Cái	2,00

279	Cuộn dây biến áp vô cấp	Cái	1,00
280	Đèn pin nạp	Cái	1,00
281	Máy hàn điện tử (Chứa linh kiện điện tử)	Cái	1,00
282	Máy hút bụi {Máy hút bụi Nationna 1400W (hút bụi khô ướt)}	Cái	1,00
283	Quạt cây	Cái	1,00
284	Quạt công nghiệp	Cái	2,00
285	Bi tê	Cái	1,00
286	Lọc dầu nhiên liệu	Cái	1,00
287	Lọc dầu	Cái	1,00
288	Lá côn	Cái	1,00
289	Má phanh trước+sau	Cái	2,00
290	Má phanh	Bộ	3,00
291	Thước lái	Cái	1,00
292	Van tiết lưu	Cái	1,00
293	Lá côn	Cái	1,00
294	Bàn phím máy tính	Cái	2,00
295	Bình lọc nước	Cái	1,00
296	1, Máy mài cầm tay nạp điện CH P/N 4.0Ah No: 63071815 (chứa linh kiện điện tử)	Cái	1,00
297	2, Máy mài cầm tay (roa lỗ) O100LD		1,00
298	Bơm dầu	Cái	1,00
299	Dây ống dẫn nước {ống nhựa lõi thép fi20-30 (ống dẫn dầu máy lọc dầu)}	Mét	50,00
300	Máy tời các loại	Cái	1,00
301	Máy thổi bụi (bosch 800W) (chứa linh kiện điện tử)		1,00
302	Máy thổi bụi (dùng pin) (chứa linh kiện điện tử)	Cái	1,00
303	Đèn bàn làm việc	Cái	1,00
304	Cáp cầu tết 2 đầu ĐK 10 dài 4m (sắt 0.8kg)	Sợi	2,00
305	Cáp cầu ĐK 14mm tết 2 đầu dài 2m (sắt 1.5 kg)	Sợi	3,00
306	Cáp cầu ĐK 14 tết 2 đầu dài 3,5m (sắt 1.4kg)	Sợi	2,00
307	Cáp cầu ĐK 16 dài 3m (sắt 1.5kg/1 sợi)	Sợi	1,00
308	Cáp cầu tết 2 đầu ĐK 10 dài 4m (sắt 1.1kg/1 sợi)	Sợi	1,00
309	Bình nóng lạnh cũ thu hồi	Cái	1,00
310	Bình nóng lạnh 30L	Bộ	1,00
311	Máy bơm nước	Cái	1,00
312	Quạt thông gió	Cái	14,00
313	Cụm puly tăng dây bơm lái	Bộ	1,00
314	Lá côn	Cái	1,00

315	Bình nóng lạnh cũ thu hồi	Cái	1,00
316	Máy mài cầm tay Makita	cái	1,00
317	Máy tính trọn bộ	Bộ	1,00
318	Máy tính xách tay Lennovo	Cái	1,00
319	Máy tính để bàn trọn bộ	Bộ	1,00
320	Máy tính bảng	cái	1,00
321	Máy tính trọn bộ	Bộ	1,00
322	Máy tính ĐNA trọn bộ	Bộ	1,00
323	Máy Fax pana	Cái	1,00
324	Máy in canon 3300	cái	1,00
325	Máy tính ĐNA	Bộ	3,00
326	Máy tính xách tay ASUS - XD CB	Cái	1,00
327	Phích điện	Cái	3,00
328	Máy tính Hải Hà	Bộ	1,00
329	Máy tính (XD CB)	Bộ	3,00
330	IPad air (XD CB)	Cái	1,00
331	Máy In HP 2015	Cái	1,00
332	Máy Photocopy RICOL 2060	Cái	1,00
333	Máy đo độ võng ĐZK -600E	Cái	1,00
334	Lò sấy MBA 180KVA	Cái	1,00
335	Lò sấy MBA 560KVA	Cái	1,00
336	Lò sấy MBA 100KVA	Cái	1,00
337	Lò sấy MBA 1000KVA	Cái	1,00
338	Máy tính Hải Hà	Bộ	1,00
339	Máy tính Hải Hà Coi7	Bộ	1,00
340	Máy tính ĐNA	Bộ	2,00
341	Máy tính Hải Hà	Bộ	2,00
342	Máy in Canon 1510W	Cái	1,00
343	Bộ máy tính HAIHA G3H	Bộ	1,00
344	Điện thoại cố định	Cái	1,00
345	Phích điện	Cái	3,00
346	Máy khoan điện 21V	Cái	4,00
347	Máy cắt cầm tay MAKITA 9015D	Cái	2,00
348	Súng bắn vít	Cái	1,00
349	Quạt Mitsubsi	Cái	1,00
350	Máy nén khí	Cái	1,00
351	Máy nén khí 1 pha 1.5 KW	Cái	1,00

352	Máy bơm nước	Cái	1,00
353	Lọc nhiên liệu	Cái	1,00
354	Lọc dầu máy	Cái	1,00
355	Lọc dầu bôi trơn	Cái	1,00
356	Bi tê côn	Vòng	1,00
357	Bi may ơ sau	Vòng	4,00
358	Bi cát đăng	Vòng	2,00
359	Bi tê côn	Vòng	1,00
360	Ắc quy 12V -30A	Cái	6,00
361	Tổng côn	Cái	2,00
362	Má phanh trước	Bộ	2,00
363	Má phanh sau	Cái	2,00
364	Lá côn	Cái	2,00
365	Lọc nhiên liệu (2kg/1)	Cái	1,00
366	Lọc dầu máy	Cái	1,00
367	Cụm vi sai cầu sau	Cái	1,00
368	Bi sai đỡ cầu sau	vòng	2,00
369	Bi đầu quả dứa	vòng	1,00
370	Bi đuôi quả dứa	vòng	1,00
371	Bi cát đăng (1,5kg/3)	vòng	3,00
372	Giảm sóc trước (dính dầu)	Cái	2,00
373	Ắc bi Phốt	Bộ	2,00
374	Bình ắc quy 24V-90Ah (42kg/2 bình)	Cái	2,00
375	Giảm sóc trước	Cái	2,00
376	Điều hòa 9000BTU (105kg/3)	Cái	3,00
377	Máy in canon LBP (chứa linh kiện điện tử) (36kg/3)	Cái	3,00
378	CPU Máy tính (Chứa linh kiện điện tử) (40kg/5)	Cái	5,00
379	Máy cắt cầm tay ĐK 100 (10kg/5)	Cái	5,00
380	Súng bắn vít (16,2kg/9)	Cái	9,00
381	Máy đầm dùi (11,8kg/1)	Cái	1,00
382	Máy mài cầm tay (3,8kg/2)	Cái	2,00
383	Tô vít máy (16kg/10)	Cái	10,00
384	Màn hình vi tính (Chứa linh kiện điện tử) (96kg/5)	Cái	5,00
385	Máy hàn (18kg/3)	Cái	3,00
386	Máy Khoan đục bê tông (5kg/1)	Cái	1,00
387	Máy khoan di động (5,7kg/3)	Cái	3,00

388	Má phanh trước (0,7kg/1)	bộ	1,00
389	Má phanh sau (0,7kg/1)	bộ	1,00
390	Máy lọc nước	Cái	1,00
391	Máy hàn (12kg/2)	Cái	2,00
392	Máy mài cầm tay (3,8kg/2)	Cái	2,00
393	Phích đun nước 3,5 lít (9,6kg/3)	Cái	3,00
394	Loa pin cầm tay (2,2kg/2)	Cái	2,00
395	Máy nén khí áp suất thấp (55kg/2)	Cái	2,00
396	Tăng đơ 18 (28,6kg/13)	Bộ	13,00
397	Rootuyn bốt lái chính	Quả	1,00
398	Rotuyn lái Ngoài	Quả	2,00
399	Rootuyn trụ trên	Cái	2,00
400	Rootuyn trụ dưới	Cái	2,00
401	Máy hủy tài liệu	Cái	1,00
402	Máy photocopy	Cái	1,00
403	Ắc quy GS 60A (20,5kg) (chứa CTNH)	Bình	1,00
404	Má phanh trước	Bộ	2,00
405	Má phanh sau	Bộ	2,00
II	DANH MỤC VẬT TƯ THU HỒI KHÔNG CHỨA CHẤT THẢI NGUY HẠI		
1	Tủ sắt	cái	2,00
2	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	cái	5,00
3	Ghế xoay	cái	4,00
4	Tủ sắt	cái	3,00
5	Tủ đựng tài liệu Hòa Phát	Cái	3,00
6	Ghế xoay cần hơi cỡ trung	cái	2,00
7	Ghế xoay	cái	5,00
8	Tủ tài liệu sắt	cái	3,00
9	Kìm điện	cái	5,00
10	Tô vít 2 đầu	cái	13,00
11	Dây lưng an toàn	cái	4,00
12	Pa lăng lắc tay xích 2T	cái	1,00
13	Bình chữa cháy kiểu xe đẩy MPT 35	Bình	1,00

14	Tifor 1,6T (lắc tay xích)	Bộ	1,00
15	Kìm cách điện	Cái	6,00
16	Kìm mỏ nhọn	Cái	6,00
17	Kìm chết (CD)	Cái	4,00
18	Guốc treo cột li tâm	Bộ	6,00
19	Ty pho	Cái	1,00
20	Sào cách điện 35kV	cái	1,00
21	Máy thử dây lưng an toàn	cái	3,00
22	Lắc tay	cái	2,00
23	Tiếp địa di động 35kV	bộ	3,00
24	Cây móc treo quần áo Thép SUS 304 (4kg/2 cái)	Cái	2,00
25	Vỏ thùng phi (64kg/4 cái)	Cái	4,00
26	ống đồng PC12,7 x 0,71 (1,6kg/12m)	m	12,00
27	Dây đồng các loại	Kg	4,00
28	Công suất nguồn	cái	1,00
29	Áp tô mát 3 pha (0.1kg/1 cái)	Cái	1,00
30	Ghế gấp xuân hòa khung inox Kích thước: Rộng 385 – sâu 390 – cao 720 (64kg/16 cái)	Cái	16,00
31	Ghế xoay da thật Hòa Phát (34kg/2 cái)	Cái	2,00
32	Ghế gấp hòa phát khung inox Kích thước: Rộng 445 – sâu 505 – cao 850 (Inox 66,6kg/18 cái)	Cái	18,00
33	Block điều hòa LG 12.000BTU (chứa khí CFC) (9.3 kg/1 cái)	Kg	9,30
34	Roty máy phát	cái	1,00
35	Kết làm mát turbo sắt 0,5kg/ 1 cái	cái	1,00
36	Quạt giàn nóng điều hoà hồng	Cái	1,00
37	Rô tuyn lái trong sắt 0,5kg/ 1 cái	Quả	1,00
38	Rô tuyn lái ngoài	Quả	1,00
39	Gạt mưa xe Nissan thép 0,3 kg/ 1 bộ gồm 2 chiếc	Cái	1,00
40	Bàn ép Xe ô tô 29H-447.23 (Thép) 10.5kg/cái	Cái	1,00
41	Đầu ép cốt thủy lực (10kg/2 cái)	Cái	2,00
42	Mô tơ quạt dàn nóng Panasonic 12.000BTU (1,4kg/1 cái)	Cái	1,00
43	Quạt điều hòa (18,1kg/ cái)	Cái	1,00
44	Kìm cắt cáp thủy lực (6kg/2 cái)	Cái	2,00

45	Mỏ lết 450mm (7,2kg/4 cái)	Cái	4,00
46	Mỏ lết (6,4kg/4 cái)	Cái	4,00
47	Hộp cơ lê lục giác (0,8kg/2 cái)	Bộ	2,00
48	Máy lọc nước	Cái	2,00
49	Kìm ép đầu cốt thủy lực 400 (5kg/cái)	Cái	1,00
50	Giá sắt Kích thước giá: Rộng: 1006mm x Sâu: 406mm x Cao: 2065mm (sắt 57kg/2 cái)	Cái	2,00
51	Bình áp máy lọc nước (3kg/1 cái)	Cái	1,00
52	Van bình áp (0.03kg/1 cái)	Cái	1,00
53	Dây máy lọc nước (0.2kg/1 cái)	m	10,00
54	Bộ khẩu khóa máy lọc Ro (0.1kg/1 cái)	cái	1,00
55	Xe đẩy tài liệu nhỏ loại đẩy 100kg (sắt 22kg/2 cái)	Cái	2,00
56	Bơm nước xe ô tô BKS: 29A-661.87	cái	1,00
57	Bàn ép côn	cái	1,00
58	Nắp két nước	cái	1,00
59	Két nước	cái	1,00
60	Dây điện M2x2,5mm2	m	30,00
61	Khớp nối máy nén khí	cái	2,00
62	Quai cáp	cái	2,00
63	Dây lưng an toàn	cái	4,00
64	Mũ BH	cái	11,00
65	Guốc treo	cái	7,00
66	Bình khí CO2 MT3	bình	3,00
67	Bình khí CO2 MT5	bình	12,00
68	Bình bột MFZL4	bình	4,00
69	Bình bột MFZ4	cái	15,00
70	Bình bột MFTZ 35	bình	2,00
71	Bình bột MFZ8	bình	5,00

72	Cửa nhôm nhôm kính (4m2/2 bộ)	bộ	2,00
73	Kết cấu lan can thép	kg	132,00
74	Vòi chậu rửa bằng sắt (0,2kg/bộ)	bộ	6,00
75	Bể chứa nước bằng inox	bể	1,00
76	Thoát nước mái bằng sắt (1kg/m)	m	14,00
77	Tôn lợp mái (2,1kg/m2)	m2	457,34
78	Các kết cấu thép, cột thép cũ nhà để xe	kg	1.500,00
79	Cột điện cũ (phần sắt 18kg/cột)	cột	1,00
80	Cổng, hàng rào thép	kg	320,00
81	Láp ngoài lá (1,5kg)	quả	1,00
82	Ro tuyen đứng trên phụ (sắt 0,1kg/quả)	quả	1,00
83	Quạt gió trong xe (nhựa 1kg/ cái)(cánh quạt)	Cái	1,00
84	Lá côn V43-4G72 (sắt 0,2kg/cái)	Cái	1,00
85	Bàn ép V43 - 4G72 (sắt 0,5kg/cái)	Cái	1,00
86	Bầu trợ lực phanh (sắt 2kg/cái)	Cái	1,00
87	Cuộn hút phanh cầu trục	cái	2,00
88	Ghế Xuân Hòa	chiếc	3,00
89	Cân 100 kg	chiếc	1,00
90	Kích căng dây 1,5 tấn	cái	1,00
91	Pu ly nhôm Φ300	cái	1,00
92	Quốc trèo cột	Đôi	1,00
93	Sào cách điện hạ thế	bộ	11,00
94	Sào cách điện trung thế	bộ	1,00
95	Dây An Toàn	bộ	4,00
96	Pu ly sắt Φ100	cái	1,00
97	Kích căng dây 3 tấn (loại xích)	bộ	1,00
98	Dây da an toàn	cái	32,00
99	Pa lăng 3,2 tấn (Nhật)	cái	1,00

100	Ty pho 3 tấn	cái	1,00
101	Chân treo cột ly tâm	Đôi	12,00
102	Cổng xếp	bộ	1,00
103	Sào cách điện 35kV	Bộ	3,00
104	Bút thử điện hạ thế (chứa linh kiện điện tử)	Cái	10,00
105	Dàn nóng điều hòa	cái	1,00
106	Phin lọc điều hòa	cái	1,00
107	Lốc lạnh điều hòa	cái	1,00
108	Phin lọc điều hòa	cái	1,00
109	Dàn lạnh điều hòa	cái	1,00
110	Dàn nóng điều hòa ô tô	cái	1,00
111	Lọc ga điều hòa	cái	1,00
112	Dây contermet	cái	1,00
113	Bốt lái	cái	1,00
114	Bom lái	cái	1,00
115	Tuy ô lái	cái	1,00
116	Còi báo hơi	cái	1,00
117	Lọc gió	cái	1,00
118	Ắc nhíp trước	cái	4,00
119	Bạc nhíp trước	cái	4,00
120	Cây ba dọc	cái	1,00
121	Bulong xăng tan hãm bó nhíp	cái	2,00
122	Ổ khóa điện	cái	1,00
123	Phanh hãm tời	cái	2,00
124	Ruột ống xả	cái	1,00
125	Kim phun xăng	cái	2,00
126	Bugì (0,2kg sắt)	cái	4,00

127	Dây bom lái	sợi	1,00
128	Bàn ép	Cái	1,00
129	Chuột cửa	Cái	1,00
130	Két nước	cái	1,00
131	Chổi gạt mưa	cái	2,00
132	Lọc gió điều hòa	cái	1,00
133	Bugì	Cái	2,00
134	Bơm nước	cái	1,00
135	Dàn lạnh	Cái	1,00
136	Phin lọc ga	Cái	1,00
137	Bugì	Cái	4,00
138	Dây cao áp	cái	4,00
139	Củ quạt dàn nóng	Cái	1,00
140	Phin lọc ga (0,4kg nhôm/cái)	Cái	1,00
141	Lốc điều hòa nhiệt độ 18000 BTU (khí R22)	cái	1,00
142	Mũ nhựa BH	Cái	8,00
143	Bình cứu hỏa MFZ8 (sắt 3kg/bình)	Bình	4,00
144	Bình cứu hỏa MFZ4 (Sắt 1,5kg/bình)	Bình	8,00
145	Bình cứu hỏa CO2-MT3 (Sắt 06kg/bình)	Bình	4,00
146	Bình cứu hỏa CO2-MT5 (Sắt 10kg/bình)	Bình	2,00
147	Hàn hơi (4,5kg/cái)	Bộ	1,00
148	Kìm cắt dây (3,8kg/2 cái)	Cái	2,00
149	Kìm cắt các loại	Cái	2,00
150	Mỏ lết	Cái	2,00
151	Mỏ lết 300	Cái	1,00
152	Bộ lục giác	Cái	1,00
153	Máy ép đầu cốt 400(8,2kg/1 cái) (bơm liền)	Cái	1,00
154	Pa lăng xích 5m (25kg/cái) 5T	Cái	1,00

155	Loại 3,2T xích 3m (22kg/cái) 3T	Cái	1,00
156	Dây lưng AT có dây AT phụ (3kg/6 cái)	Cái	6,00
157	Bình cứu hỏa CO2-MT5 MT5 (11kg/1 bình)	Bình	1,00
158	Bình cứu hỏa MFZL4 (12kg/6 bình) MFZ4	Bình	6,00
159	Bình cứu hỏa MFZL8 (24kg/3 bình) MFZ8	Bình	3,00
160	At tô mát cháy, mát mát	cái	1,00
161	Máy bơm nước	cái	1,00
162	Chổi gạt mưa ô tô	cái	6,00
163	Aptomat cấp nguồn 20A	cái	1,00
164	Lô ép MP 5054 (0,3kg)	chiếc	1,00
165	Thảm nhiệt độ ép MP5054 (1 bộ = 2 cái) = 0,3kg	bộ	1,00
166	Mô tô cấp mực (0,04kg)	chiếc	1,00
167	Mô tơ cụm (0,04kg)	chiếc	1,00
168	Cụm lựa sấy MP 5054 (0,4kg)	cụm	1,00
169	Vòng bi lô ép thu hồi (0,4kg)	chiếc	2,00
170	Giá đỡ cấp mực MP	chiếc	1,00
171	Lấy tách giấy trên trống (Bộ/2 cái)	cái	1,00
172	Ống tubo dài	Cái	1,00
173	Cút nước	cái	1,00
174	Khóa cửa lửa	cái	1,00
175	Ghế xoay to (5,5kg/1 cái)	Cái	1,00
176	Ghế xoay nhỏ	Cái	1,00
177	Xèng (2,8kg/4 cái)	Cái	4,00
178	Cuốc (3,2kg/4 cái)	Cái	4,00
179	Vòi đầm phi 50 (16,5kg/1 cái)	Cái	1,00
180	Ghế xoay (nhỏ) (9kg/2 cái)	Cái	2,00

181	Hòm thép (15kg/5 cái)	Cái	5,00
182	Thang nhôm (10kg/2 cái)	Cái	2,00
183	Ghế gấp (12kg/4 cái)		4,00
184	Mô tơ bơm nước rửa kính (0,2kg sắt)	cái	1,00
185	Van bơm hơi lốp xe (0,1kg sắt/1 cái)	cái	4,00
186	Thanh chống cửa hậu (0,2kg sắt)	cái	2,00
187	Chổi gạt mưa (0,2kg/2 cái)	Cái	2,00
188	Chổi gạt mưa gắn cao su trái	Cái	1,00
189	Chổi gạt mưa gắn cao su phải	Cái	1,00
190	Van chia giàn điều hòa sau (0,1kg)	Cái	1,00
191	Giàn lạnh điều hòa sau (0,5kg/1 cái)	Cái	1,00
192	Chổi gạt mưa	Cái	2,00
193	Bu gi (0.1kg/1 cái)	Cái	4,00
194	Lọc xăng(0.2kg)	cái	1,00
195	Cần gạt nước mưa bên phải (0.2kg)	Cái	1,00
196	Nắp đầy khớp nối cần gạt mưa(0.2kg/2 cái)	Cái	2,00
197	Cần gạt mưa trước bên trái(0.5kg)	Cái	1,00
198	Đai ốc (0.1kg)	Cái	2,00
199	ATM 3P 400 A tại tủ hạ thế	cái	1,00
200	Ống đồng bảo ôn (2,5kg/28m)	m	28,00
201	Dây điện 2x1,5mm (3,09kg đồng/150m)	m	150,00
202	Dây điện 2x2,5mm (3,2kg đồng/100m)	m	100,00
203	Vòi xịt Inax	Bộ	15,00
204	Cụm van xả inax tiểu nam	Bộ	6,00
205	Vòi chậu rửa inax	Bộ	5,00
206	Xiphon chậu rửa	Bộ	2,00

207	Vách ngăn thạch cao	m2	45,58
208	Vách ngăn nhôm kính	m2	25,53
209	Cửa nhựa lõi thép	m2	6,34
210	Ổng đồng điều hòa	m	30,00
211	Ghế làm việc bằng nhựa	cái	12,00
212	Tủ hồ sơ	cái	14,00
213	Giá để hồ sơ bằng thép	cái	5,00
214	Giá để tài liệu bằng thép	cái	2,00
215	Vách ngăn nhôm kính	vách	2,00
216	Ghế làm việc	cái	19,00
217	Tủ hồ sơ bằng thép	cái	37,00
218	Giá để hồ sơ bằng thép	cái	3,00
219	Giá để tài liệu bằng thép	cái	13,00
220	Vách ngăn nhôm kính	m2	20,13
221	05 cửa nhựa lõi thép	m2	15,90
222	Dây điện hồng	m	70,00
223	Aptomat ba pha 250A	cái	5,00
224	Aptomat ba pha nhánh 100A	cái	3,00
225	Bàn máp	cái	1,00
226	Bộ bàn ghế Salon mây	bộ	1,00
227	Bục + tượng Bác (bán thân)	Chiếc	1,00
228	Cầu dao 6kV	Bộ	3,00
229	Chuỗi sứ 35kV	Chuỗi	1,00
230	Dui cui cao su	Chiếc	2,00
231	Đá mài	viên	2,00

232	Đe thuyền	cái	1,00
233	Đục các loại	cái	102,00
234	Kéo cắt tôn	cái	5,00
235	Lò rèn	cái	1,00
236	Kệ tivi	Chiếc	1,00
237	Máy khoan đứng	cái	1,00
238	Mũ bảo hộ	Chiếc	18,00
239	Pa lăng xích 5 tấn	Chiếc	1,00
240	Phôi búa nguội	cái	514,00
241	Phôi thép thực tập	cái	45,00
242	Phông chiếu	Bộ	1,00
243	Salon gỗ	Bộ	1,00
244	Sao + Búa liềm	Chiếc	1,00
245	Tủ gỗ 2 cánh cửa thủy tinh	Chiếc	1,00
246	Thang nhôm gấp	Chiếc	1,00
247	Thùng đựng phế liệu	cái	1,00
248	Xà beng	Chiếc	1,00
249	Xô phôi thực tập	cái	9,00
250	Am pe mét các loại	chiếc	14,00
251	Bộ bàn liên ghế HS chân sắt	bộ	32,00
252	Bảng chống lóa	chiếc	6,00
253	Cây phơi quần áo	Chiếc	58,00
254	Com pa	cái	20,00
255	Cột bê tông ly tâm 10	Cột	1,00
256	Dũa các loại	cái	341,00

257	Ghế gỗ chân sắt	chiếc	85,00
258	Ghế xuân Hòa	Chiếc	35,00
259	Khung cửa sắt	cái	9,00
260	Pan me các loại	cái	5,00
261	Búa tạ	cái	2,00
262	Búa nguội	cái	60,00
263	Sứ SI	Bộ	5,00
264	Tay quay các loại	cái	9,00
265	Tủ sắt đựng dụng cụ	cái	4,00
266	Thước các loại	cái	6,00
267	Thước lá các loại	cái	28,00
268	Bình cứu hỏa các loại	cái	1,00
269	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Chiếc	1,00
270	Lưới cửa sắt	Chiếc	1,00
271	Dây da an toàn	Chiếc	16,00
272	Guốc treo	Đôi	3,00
273	Hộp số quạt trần	cái	7,00
274	Mặt nạ hàn	cái	17,00
275	Mũi khoan các loại	cái	50,00
276	Bàn hàn	cái	2,00
277	Áp tô mát máy khoan đứng	cái	1,00
278	Áp tô mát máy mài 2 đá	cái	1,00
279	Áp tô mát bóng điện đèn tuýp	cái	1,00
280	ATM máy hàn điện 3 pha	cái	2,00
281	Áp tô mát ba pha tổng	cái	1,00

282	Áp tô mát 3pha (trong tường)	cái	5,00
283	Áp tô mát 3 pha	Chiếc	1,00
284	Áp tô mát quạt trần	cái	5,00
285	Bảng nội quy các loại	cái	3,00
286	Bảng từ 1,23x2,3m	cái	4,00
287	Bảng điện nhựa 150x200mm	cái	4,00
288	Bảng pooc mi ca 120x300cm	Chiếc	1,00
289	Bàn ren các loại	cái	50,00
290	Bầu cặp	cái	4,00
291	BI 50/5A Emic	Chiếc	1,00
292	Ca bin hàn	cái	2,00
293	Cáp nhôm vặn xoắn 3 pha	m	20,00
294	Cầu dao 3 pha	Chiếc	6,00
295	Cọc hãm	Chiếc	5,00
296	Chăm dẫu	cái	20,00
297	Đe gò	cái	1,00
298	Động cơ 3 pha	chiếc	5,00
299	Đồng hồ treo tường	cái	3,00
300	Ghế đệm xoay	cái	4,00
301	Giá sắt đựng dụng cụ	Chiếc	1,00
302	Giá sắt để dụng cụ	Chiếc	1,00
303	Giá đỡ sứ 10kV	Bộ	2,00
304	Giá để thiết bị	Chiếc	2,00
305	Giá đỡ sắt	Chiếc	6,00
306	Hàng kệ 12 cực	Chiếc	23,00

307	Hàng kẹp 6 cực	Chiếc	19,00
308	Hộp cầu dao tổng	cái	1,00
309	Kìm rên	cái	8,00
310	Kìm điện	cái	1,00
311	Kìm cắt 500V	Chiếc	1,00
312	Khởi D	cái	3,00
313	Khởi V	cái	1,00
314	Màn chiếu di động	Chiếc	1,00
315	Mô lết 300	cái	5,00
316	Công tơ 1 pha	cái	59,00
317	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Chiếc	13,00
318	Giá mô hình	cái	2,00
319	Ampemet	cái	14,00
320	Vonmet	cái	18,00
321	TI hạ thế 0,6kV 50/5A	cái	6,00
322	Hòm công tơ	cái	3,00
323	Cầu đấu	cái	8,00
324	Giá mô hình	cái	1,00
325	Ampemet	cái	1,00
326	Vonmet	cái	1,00
327	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Chiếc	1,00
328	Công tơ 1 pha	cái	3,00
329	TI hạ thế 0,6kV 50/5A	cái	3,00
330	Cầu đấu	cái	9,00
331	Công tắc tơ	cái	8,00
332	Khung sắt	cái	1,00
333	Ampemet	cái	3,00
334	Vonmet	cái	1,00

335	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Chiếc	2,00
336	TI hạ thế 0,6kV 50/5A	cái	3,00
337	Nấc chuyển mạch	bộ	1,00
338	ATM 200A	Cái	1,00
339	Aptomat nhánh 100A	cái	3,00
340	Cầu dao sứ 30A	cái	1,00
341	Cầu đấu	cái	8,00
342	Sứ cách điện hạ thế	cái	12,00
343	Thanh cái đồng 6 thanh*dài 60(cm)*rộng 2(cm)* dày 0,2(cm)	thanh	6,00
344	Khung sắt	cái	1,00
345	Vonmet	cái	1,00
346	Ampemet	cái	2,00
347	Nấc chuyển mạch	cái	1,00
348	Aptomat nhánh 100A	cái	3,00
349	Đồng hồ tần số	cái	2,00
350	Aptomat tổng 50A	cái	1,00
351	Khởi động từ 30A	cái	2,00
352	Động cơ	Chiếc	3,00
353	Khung sắt	cái	2,00
354	Động cơ	Chiếc	2,00
355	Vonmet	cái	1,00
356	Ampemet	cái	3,00
357	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Chiếc	1,00
358	TI hạ thế 0,6kV 50/5A	cái	3,00
359	Sứ cách điện	cái	6,00
360	Thanh cái đồng 6 thanh*dài 60(cm)*rộng 2(cm)* dày 0,2(cm)	thanh	6,00
361	Mũi vạch	cái	24,000
362	Mũi ta rô các loại	cái	50,00
363	Phụ kiện đường dây cao áp	Bộ	1,00

364	Salon bọc đệm góc C	cái	1,00
365	Salon gỗ đệm mút	Chiếc	1,00
366	Salon bọc đệm	Bộ	1,00
367	Salon gỗ đệm mút	Bộ	1,00
368	Tô vít các loại	cái	7,00
369	Tuốc nơ vít vạn năng	Chiếc	1,00
370	Tủ kính	Chiếc	1,00
371	Thước góc TQ	cái	10,00
372	Thước đo độ	cái	1,00
373	Ủng cách điện	Đôi	1,00
374	Cột bê tông ly tâm 10	Cột	2,00
375	Xà néo K	bộ	2,00
376	Chuỗi cách điện thủy tinh (4 bát)	chuỗi	3,00
377	Chuỗi cách điện thủy tinh (3 bát + PK)	chuỗi	3,00
378	Cáp AC 70/11	m	60,00
379	Cột H 7,5m	cột	6,00
380	Xà kép	bộ	2,00
381	Xà đơn	bộ	4,00
382	Dây A35	m	60,00
383	Cột H 7,5m (4 đoạn cột)	cột	2,00
384	Cột H 7,5m (2 đoạn cột)	cột	1,00
385	Giá đỡ cầu dao	Bộ	1,00
386	Tay thao tác cầu dao	Bộ	1,00
387	Cách điện cầu dao	quả	9,00
388	Giá đỡ chống sét van	Bộ	1,00
389	Chống sét van	quả	3,00
390	Giá đỡ Cầu chì tự rơi	Bộ	1,00
391	Cầu chì tự rơi	bộ	1,00
392	Vỏ tủ	Tủ	1,00

393	aptomat 250A	Cái	1,00
394	aptomat nhánh 40A	Cái	2,00
395	Ampemét100/5A	Cái	3,00
396	Vôn mét 500V	Cái	1,00
397	Cầu chì ống	bộ	6,00
398	Xà đón dây đầu trạm ngang tuyến	Bộ	1,00
399	Chuỗi sứ thủy tinh 35kV (4 bát)	Chuỗi	3,00
400	Xà đỡ SI+CSV	Bộ	1,00
401	Chống sét van 35kV	Quả	3,00
402	Cầu chì tự rơi 35kV	Quả	3,00
403	Xà đỡ sứ trung gian	Bộ	1,00
404	Sứ đứng 22kV+ty	Quả	3,00
405	Giá đỡ MBA	Bộ	1,00
406	Sàn thao tác	Bộ	1,00
407	Sứ đứng gồm 22kV	Quả	4,00
408	Thang trèo	Bộ	1,00
409	Vỏ tủ	Tủ	1,00
410	Công tơ 3 pha 3 phần tử 3x220/380-3x5A	Cái	2,00
411	Aptoma 250A	Cái	1,00
412	Aptomat nhánh 40A	Cái	2,00
413	TI 50/5	Quả	3,00
414	Ampemét100/5A	Cái	3,00
415	Vôn mét 500V	Cái	1,00
416	Giá đỡ tủ	Bộ	1,00
417	Dây tiếp địa trạm	Bộ	1,00
418	Cột bê tông ly tâm 10	Cột	2,00
419	Sắt cây	Kg	30,00
420	Động cơ cửa cuốn	Cái	1,00
421	Ống điều hòa bảo ôn PC15.88x0.61	Mét	15,00

422	Ống điều hòa bảo ôn PC 9.52x0.61	Mét	11,00
423	Mô tơ quạt	Cái	2,00
424	Kích cáp 1,5 Tấn (4,5 kg/1 cái)	Cái	1,00
425	Kích căng dây 1,5 Tấn (5kg/1 cái)	Cái	1,00
426	Kích căng dây 3 Tấn (9kg/1 cái)	Cái	1,00
427	Bút thử điện hạ thế (0,5 kg/10 cái)	Cái	10,00
428	Guốc treo (28 kg/7 cái)	Cái	7,00
429	Dây da an toàn (19 kg/10 cái)	Cái	10,00
430	Máy lọc nước tinh khiết RO (9,1 kg/1 cái)	Cái	1,00
431	Lá nhíp sau	Cái	2,00
432	Quạt giàn lạnh điều hòa	Cái	1,00
433	Mô tơ trộn gió điều hòa xe ô tô	Cái	1,00
434	Lọc xăng xe ô tô	Cái	1,00
435	Van tiết lưu xe ô tô	Cái	1,00
436	Van hằng nhiệt	Cái	1,00
437	Van cài cầu xe ô tô	Cái	1,00
438	Máy phát (2.5kg)	Cái	1,00
439	Cửa nhôm - kính tầng 1 (13,9 m2)	bộ	8,00
440	Cửa nhôm - kính tầng hầm (9,57 m2)	bộ	3,00
441	Cửa sắt tầng 1 (11,92 m2)	bộ	2,00
442	Cửa sắt tầng hầm (9,96 m2)	bộ	2,00
443	Lan can sắt (0,06 tấn)	m2	30,00
444	Cửa thép (Cổng)	bộ	1,00
445	Dây điện 2x2,5	m	10,00
446	Dây điện 2x1,5	m	20,00
447	Dây điện 2x2,5	m	10,00
448	Dây điện 2x1,5	m	20,00
449	Dây điện 2x6	m	30,00
450	Dây điện 2x4	m	90,00

451.	Dây điện 2x2,5	m	30,00
452	Dây điện 2x1,5	m	130,00
453	Dây điện 2x6	m	30,00
454	Dây điện 2x4	m	90,00
455	Dây điện 2x2,5	m	30,00
456	Dây điện 2x1,5	m	130,00
457	Mái tôn Nhà ĐHSX	m2	251,28
458	Mái tôn Sân	m2	138,32
459	Thép (2,17kg/m2)	kg	520,80
460	Kết cấu thép (xà gồ thép mái) (1,73 tấn)	kg	1.730,00
461	Ổ khóa cốp	Cái	1,00
462	Ổ khóa ngậm	Cái	2,00
463	Gương hậu trong xe	Cái	1,00
464	Công tắc điều hòa	Cái	1,00
465	Chuột cửa	cái	2,00
466	Công tắc cổng	Cụm	1,00
467	Chuột cửa	cái	1,00
468	Ty chống cốp sau	Đôi	3,00
469	Cụm khóa cốp	Cụm	1,00
470	Bầu lọc gió	Cái	1,00
471	Lọc gió động cơ	Cái	1,00
472	Chổi gạt mưa	cái	2,00
473	Van áp suất	Cái	1,00
474	Lọc gió động cơ	Cái	1,00
475	Chổi gạt mưa	Cái	2,00
476	Còi sên	Cái	2,00
477	Rô tuyn lái ngoài	Cái	1,00
478	Rô tuyn đứng trên	Quả	2,00
479	Sào thao tác 6-35kV	Cái	4,00

480	Lốc điều hòa 48.000 BTU	Cái	1,00
481	Bơm nước Ô tô	Cái	1,00
482	Cần gạt mưa (0,18kg/cái)	Cái	2,00
483	Còi (0.2kg/bộ)	Bộ	1,00
484	Tổng côn dưới (0,4kg/cái)	Cái	1,00
485	Gạt mưa (0,18/cái)	Cái	1,00
486	Gạt mưa (0,18/cái)	Cái	1,00
487	Ống đồng f10 (2,2kg/6,4 mét)	Mét	6,40
488	Ống đồng f18 (2,2kg/6,4mét)	Mét	6,40
489	Dây sạc (lõi đồng)	cái	1,00
490	Aptomat 3 pha 50-250A (18kg / 4 cái)	Cái	4,00
491	Can nhựa 20 lít	Cái	10,00
492	Sắt vùi kèo, xà gồ	Kg	780,00
493	1, Kìm uốn dây (sắt 0.4kg/2 cái)	cái	2,00
494	2, Kìm cộng lực loại nhỏ 150 (sắt 1,5kg)	Kg	1,00
495	3, Bộ tuốc lơ vít chuyên dùng cách điện (Sắt 2.5kg/2 bộ)	bộ	2,00
496	4, Bộ lục giác 3-10 (sắt 0.9kg/bộ)	bộ	1,00
497	5, Tuốc nơ vít các loại (sắt 0.2kg/2 cái)	cái	2,00
498	6, Bộ cờ lê 8-:-32 (Sắt 2,5kg/14 cái/ Bộ)	cái	1,00
499	Tuốc nơ vít có bọc cách điện (trừ đầu vít) các loại (sắt 0.8kg/11 cái)	Cái	11,00
500	Cuốc chim (sắt 1.4kg/ 2 bộ)	Bộ	2,00
501	9, Kết cấu thép (Lan can sắt + inox)	Kg	200,00
502	Thước cặp điện tử	Cái	1,00
503	Thước cặp 0-:-200	Cái	1,00
504	Cân đồng hồ 5Kg	Cái	1,00
505	4, Hộp đựng đồ (Sắt 3,6kg/cái)		1,00
506	Hộc sắt để đồ	Cái	1,00
507	Thang nhôm rút (13.5kg)	Cái	1,00
508	Chậu nhôm ĐK350 (nhôm 1.4kg/cái)	Cái	1,00

509	Tôn tấm các loại	Kg	579,10
510	Ổ cắm liền dây	Bộ	2,00
511	Xô tôn 15 lít	Cái	2,00
512	Vòi hoa sen gập gù	Cái	2,00
513	Vòi xịt VS	Cái	4,00
514	Cánh cửa sắt	Bộ	6,00
515	Cánh cửa nhôm kính các loại thu hồi	Cái	2,00
516	Cánh cửa nhôm kính các loại thu hồi	bộ	37,00
517	Ghế xoay 550H	Cái	2,00
518	Ghế Xuân Hoà	Cái	6,00
519	Ghế bọc nệm	Cái	3,00
520	Ghế xoay HP	Cái	5,00
521	Tủ sắt tài liệu	Cái	7,00
522	Động cơ 1 pha 0,6Kv hỏng	Cái	1,00
523	Bơm nước (ô tô)	Cái	1,00
524	Dàn nóng ô tô	Cái	1,00
525	Tuy ô dẫn khí (Phụ tùng xe ô tô (các loại))	Cái	1,00
526	Van áp suất	Cái	1,00
527	Két nước xe ô tô	Cái	1,00
528	Cụm bàn ép (Sắt: 15kg)	Bộ	1
529	Van hằng nhiệt	Cái	1,00
530	Búa 5kg	Cái	4,00
531	Kìm cắt các loại	Cái	5,00
532	Kìm xiết đai thép	Cái	1,00
533	Kìm chết	Cái	1,00
534	Kìm cách điện	Cái	14,00
535	Các loại Tuốc nơ vít	Cái	17,00
536	Mô lét	Cái	3,00
537	Mô lét 300	Cái	1,00

538	Các loại cờ lê khác	Cái	32,00
539	Pa lăng xích 3T	Cái	1,00
540	Pa lăng xích 5T	Cái	1,00
541	Lưỡi xẻng	Cái	11,00
542	Cuốc sắt	Cái	10,00
543	Xà beng 1,2m	Cái	5,00
544	Dao quắm	Cái	3,00
545	Giá để máy Fax	Giá	1,00
546	Linh phụ kiện máy tính, máy in, máy fax, photo copy	Bộ	2,00
547	1, Tay cắt hơi	Cái	1,00
548	2, Thước lá	Cái	2,00
549	3, Hộp đựng đồ	Cái	1,00
550	4, Động cơ điện	Cái	1,00
551	5, Mô hàn nung	Cái	1,00
552	Mũ nhựa	Cái	7,00
553	Guốc treo cột	Đôi	16,00
554	Bình cứu hoả CO2-MT3	Cái	2,00
555	Bình cứu hoả MFZ4	Bình	2,00
556	Bình cứu hoả MFZ8	Bình	2,00
557	Còi điện xe ô tô	cái	1,00
558	Gạt mưa (0,18/cái)	Cái	1,00
559	Téc nước Inox 1,5m3 (Inox: 30kg)	Cái	1,00
560	Mái tôn	m2	311,00
561	Vòi hoa sen gạt gù	Cái	1,00
562	Vòi nước chậu rửa	Cái	4,00
563	Dây cấp nước bình nóng lạnh (Sắt)	Sợi	8,00
564	Cửa nhôm, vách nhôm kính (Nhôm: 60kg)	m2	50,10
565	Pame Liên xô	cái	1,00
566	Tủ sấy Trung quốc Ketong	cái	1,00

567	Mỏ lết dài 200	cái	1,00
568	Mỏ lết dài 450	cái	1,00
569	C lê tuýp 10*32mm2	cái	1,00
570	C lê 10-32	cái	1,00
571	C lê tròn 8-32 mm	cái	1,00
572	Ghế xoay	cái	2,00
573	Ghế xoay	cái	2,00
574	Tổng côn dưới	Bộ	1,00
575	Bàn cắt giấy	Cái	1,00
576	Cửa gỗ (cửa sắt+cán gỗ)	Cái	1,00
577	Mũi khoan sắt bộ	Cái	2,00
578	Mũi khoan sắt ĐK 30	Cái	1,00
579	Mũi khoan sắt ĐK 20	Cái	1,00
580	Cờ lê tròn Đức	Cái	1,00
581	Cờ lê tròn 8 - 32	Cái	1,00
582	Kìm điện 400V	Cái	2,00
583	Mỏ lết dài 200	Cái	1,00
584	Mỏ lết dài 250 ngoại	Cái	2,00
585	Kìm chét (CD)	Cái	2,00
586	Mỏ lết 250	Cái	1,00
587	Mỏ lết 300	Cái	1,00
588	Tủ sắt đứng liên doanh	Cái	2,00
589	Tủ sắt tài liệu	Cái	2,00
590	Ghế xoay HP	Cái	2,00
591	Thang nhôm rút 4 m	Cái	1,00
592	Ổ cắm Lioa 6 lỗ	Cái	5,00
593	Đầu cốt các loại	Cái	20,00
594	Chậu nhựa to	Cái	2,00
595	Xô nhựa	Cái	2,00

596	Dây súp M 2x4	Mét	50,00
597	ồ cắm di động 30m (CD)	Cái	2,00
598	Ô che mưa, nắng	Cái	2,00
599	Kẹp cá sấu	Cái	40,00
600	Dây nối đất	Mét	20,00
601	Dây nguồn	Mét	100,00
602	Ghế xoay	cái	1,00
603	Xèng + cán	Cái	2,00
604	Xe rửa	Cái	2,00
605	Đồng hồ treo tường	Cái	4,00
606	Miếng ốp badosoc trước	Cái	2,00
607	Bu lông + Tắc kê	Cái	10,00
608	Cổ xả	Cái	1,00
609	Bàn ép	Cái	2,00
610	La răng	Cái	2,00
611	Còi điện	Cái	2,00
612	Ghế xoay (255kg/15)	Cái	15,00
613	Ghế da xoay (84kg/4)	Cái	4,00
614	Ghế xoay HP (68kg/4)	Cái	4,00
615	Ghế xoay lưng lưới (68kg/4)	Cái	4,00
616	Tủ sắt hòa phát (Cao 1,8m x ngang 1m x sâu 0,45m) (112kg/2)	Cái	2,00
617	Bút thử điện 35kV (3kg/10)	Cái	10,00
618	Máy ép đầu cốt (bơm liên) (7kg/2)	Bộ	2,00
619	Xe rửa (155kg/10)	Cái	10,00
620	Kìm cắt các loại (5,72kg/22)	Cái	22,00
621	Khóa cửa (0,9kg/3)	Cái	3,00
622	Búa 0.3Kg (1,4kg/2)	Cái	2,00
623	Tô vít 2 cạnh f6x100 (0,2kg/2)	Cái	2,00
624	Bộ khâu ép đầu cốt (11kg/10)	Bộ	10,00

625	Tô vít 4 cạnh f4x100 (0,2kg/10)	Cái	10,00
626	Puly ĐK 700mm (8kg/5)	Cái	5,00
627	Puly sắt 5 tấn (42kg/3)	Cái	3,00
628	Xe rửa (93kg/6)	Cái	6,00
629	Puly ĐK 700mm (3,2kg/2)	Cái	2,00
630	Mô tơ (92kg/4)	Cái	4,00
631	Xà beng 1,2m (27,5/5)	Cái	5,00
632	Van hằng nhiệt	Cái	1,00
633	Còi điện	Bộ	1,00
634	Van hàn nhiệt	Cái	1,00
635	Rootuyn láỉ Ngoài	Quả	2,00
636	Mỏ lét	Cái	10,00
637	Đồng hồ ôxy	Cái	2,00
638	Cờ lê dẹt 1 đầu 24	Cái	5,00
639	Cờ lê choòng 1 đầu 30	Cái	5,00
640	Xèng + cán	Bộ	5,00
641	Cuốc sắt	Cái	3,00
642	Xà beng 1,5m	Cái	2,00
643	Máy lọc nước	Cái	1,00
644	Cân bơm cao áp	Cái	1,00
645	Bugì	Cái	4,00
646	Xe cải tiến	Cái	1,00
647	Xe rửa vận chuyển VT móng	Cái	1,00
648	Puly TQ 1.5 tấn	Cái	7,00
649	Cáp thép phi 12	M	28,00
650	Cuốc	Cái	5,00
651	Xèng	Cái	10,00
652	Mai	Cái	5,00
653	Xô xách đất	Cái	10,00

654	Búa tạ	Cái	4,00
655	Thước mét 5m	Cái	4,00
656	Thanh ray	Cái	6,00
III			
1	Sứ thủy tinh IIC70 - E	Bát	1,00
2	Role trung gian 220V DC- Phoenix Contact	Cái	8,00
3	Đế U	Bộ	5
4	Gông cột đôi	Bộ	8
5	Gông lắp cáp viễn thông dự phòng trên cột điện lực	Bộ	1
6	Kẹp cáp thép	Bộ	5
7	Móc hãm cáp J	Bộ	6
8	Bu lông U12	Bộ	24
9	Thẻ nhận diện cáp viễn thông	Cái	5
10	Tăng đơ mạ kẽm	Cái	12
11	Gông đỡ cáp	bộ	1,00
12	Cô li ê xà các loại	cái	4,00
13	Giá bắt vòng treo 1 vòng	cái	16,00
14	Bu lông mạ 12x80	cái	155,00
15	Đai bó cáp D150	Bộ	50,00
16	Kẹp cáp 3 bulong 120x40	Bộ	20,00
17	Bu lông Mạ M 12x 450	cái	4,00
18	Ghíp kẹp cáp thép	Cái	50,00
19	Biển mác MBA	Chiếc	29,00
20	Đầu cốt chữ y 5,5	Cái	150
21	Đoạn thân cột ĐT-12	Bộ	1,00
22	Đoạn thân cột ĐT-14	Bộ	1,00
23	Đầu cáp T-plug 24kV 3x70mm	Bộ	1,00
24	Đầu cáp co nhiệt hạ thế 0,6/1kV 4x150/240	Bộ	4,00
25	Má kìm kẹp chì	Cái	2,00

26	Thân kim kẹp chì	Cái	1,00
27	Kẹp treo cáp 4x120	Cái	31,00
28	Gioăng quả bằng	Cái	8,00
B	DANH MỤC THU HỒI TỪ TÀI SẢN VÀ CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		
I	DANH MỤC TÀI SẢN THU HỒI		
1	Hộp bộ thử cao thế + T.Bộ thử cao áp lưu động	cái	1,00
2	Bộ thử Role & phụ kiện	cái	1,00
3	Cầu đo điện trở nhỏ điện tử MMR 620 và 630	cái	1,00
4	Lò sấy chân không	cái	1,00
5	Xe ô tô bán tải FORD TRANSIR - Biển 17K-1652	Xe	1,00
6	Máy đo điện trở tiếp xúc 100A	Máy	1,00
7	Xe ô tô hiệu ford 6 chỗ BKS 99C-018.63	xe	1,00
II	DANH MỤC THU HỒI TỪ CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		
1	Hệ cầu trục	Cái	1,00
2	Tôn lợp mái	M2	785,18
3	Động cơ cửa cuốn	Cái	1,00
4	Khung nhôm vách kính mặt trước	md	320,25
5	Hoa sắt cửa sổ	M2	107,15
6	Thép, vì kèo	kg	2.247,70
7	Tôn lợp kim loại	m2	353,23
8	Khung hoa sắt cửa sổ	m2	56,56
9	Thép, vì kèo	kg	1.390,40
10	Tôn lợp kim loại	m2	343,02
11	Thép, vì kèo	kg	632,40
12	Tôn lợp kim loại	m2	161,00
13	Cửa sắt xếp	M2	9,46
14	Thép, vì kèo	kg	1.718,80
15	Tôn lợp kim loại	m2	484,00
16	Cửa sắt xếp	M2	9,46

17	Tủ điện hạ thế	m2	8,52
18	Tôn lợp kim loại	cái	2,00
19	Khung hoa sắt cửa sổ	m2	251,69
20	Tôn lợp kim loại	m2	18,00
21	Khung hoa sắt cửa sổ	m2	230,58
22	Tôn lợp kim loại	m2	25,92
23	Dây cáp nhôm 4x70mm2	m2	70,66
24	Dây cáp đồng 3x16+1x10mm2	m	60,00
25	Khung cửa sổ sắt, gỗ kính	m	80,00
26	Cửa cuốn	Bộ	17,00
27	Mô tơ cửa cuốn	Bộ	1,00
28	Vòi sen	cái	1,00
29	Tôn mái	Bộ	4,00
30	Tôn thu hồi	m2	86,00
31	Xà thép	M2	276,00
32	Cửa đi WC	Kg	7.000,00
33	Cửa đi	Bộ	4,00
34	Giá treo khăn (inox)	Bộ	1,00
35	Tôn lợp mái nhà xưởng	cái	5,00
36	Quạt trần	m2	1.549,14
37	Đèn tuýp 1,2m	cái	24,00
38	Điều hòa	bộ	24,00
39	Quạt treo tường	bộ	4,00
40	Đèn tuýp 1,2m	Cái	6,00
41	Quạt trần	cái	10,00
42	Đèn tuýp 1,2m	Bộ	22,00
43	Quạt trần	cái	12,00
44	Đèn tuýp 1,2m	Bộ	20,00
45	Quạt trần	cái	4,00

46	Đèn tuýp 1,2m	cái	11,00
47	Đèn tuýp 1,2m	bộ	12,00
48	Đèn tuýp 1,2m	bộ	12,00
49	Bình nóng lạnh khu WC nhà điều hành cũ	bộ	10,00